

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Mở cửa với gap tăng, VN-Index dành cả buổi sáng để giao dịch trong vùng 1,330 – 1,335 trước khi đà bán mạnh hơn vào phiên chiều, đưa chỉ số xuống đóng cửa tại mốc 1,330.28 điểm, tăng hơn 4 điểm so với hôm qua. Dòng tiền vẫn tiếp tục xu hướng tập trung vào nhóm cổ phiếu Vin và một số mã thuộc ngành Ngân hàng trong ngày hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Cây nến doji cho thấy áp lực chốt lãi gia tăng và trạng thái giao dịch mua bán cân bằng hơn sau 2 phiên tăng giá tốt từ nền giá 1,300 - 1,305 điểm. VN-Index có thể tiếp tục trải qua một đợt rung lắc tại vùng giá cao, quá đó xây nền cho xu hướng tăng của chỉ số trong trung hạn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 10/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+4.23** điểm, đóng cửa tại **1330.28** điểm. HNX-Index **+1.09** điểm, đóng cửa tại **239.5** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.31)**, **VIC (+1.90)**, **BCM (+1.37)**, **BID (+0.42)**, **VHM (+0.35)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.73)**, **LPB (-0.42)**, **EIB (-0.26)**, **ACB (-0.21)**, **GVR (-0.19)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,839** tỷ đồng, tăng **1.82%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,716 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.36 điểm. Thị trường có **191** mã tăng, 85 mã tham chiếu, **263** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-576.16** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-160.47 tỷ)**, **SSI (-119.89 tỷ)**, **FRT (-82.62 tỷ)**, **MSN (-73.18 tỷ)**, **KDH (-50.64 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **78.57** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.18%**. Các mã diễn biến tích cực:
VCB (+1.79%)
VPB (+0.78%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+0.78%)
- BSC50 **-0.06%**. Các mã diễn biến tích cực:
IJC (+6.97%)
VND (+2.92%)
HHV (+2.36%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.18%	-0.06%	0.32%	0.09%
1 tuần	0.70%	0.15%	1.60%	2.20%
1 tháng	2.54%	4.85%	4.32%	3.75%
3 tháng	0.90%	4.07%	4.58%	4.13%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,330.28	239.50	99.16
% 1D	0.32%	0.46%	0.08%
GTGD (tỷ VND)	19,839	1,054	800
%1D	1.82%	-17.03%	8.41%
GDNN (tỷ VND)	-576.16	78.57	-28.02

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	144.90	FPT	-160.47
VIC	63.56	SSI	-119.89
VCI	60.15	FRT	-82.62
VIB	43.62	MSN	-73.18
KSB	35.11	KDH	-50.64

Thị trường thế giới

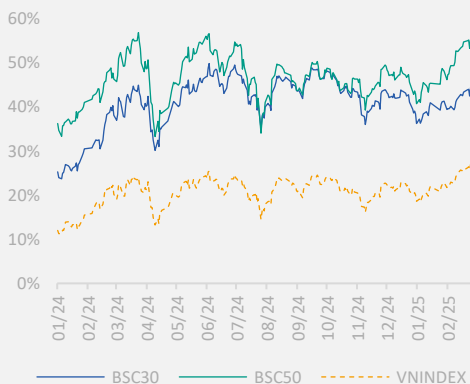
		%D	%W
SPX	5,770	0.55%	-3.10%
FTSE100	8,644	-0.41%	-2.56%
Eurostoxx	5,429	-0.77%	-2.19%
Shanghai	3,368	-0.15%	1.53%
Nikkei	36,990	0.34%	-2.20%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	70.49	0.19%
Giá vàng	2,906	-0.28%
Tỷ giá		
USD/VND	25,690	0.00%
EUR/VND	28,489	0.07%
JPY/VND	177	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	0.00%
LS LNH 1M	3.9%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



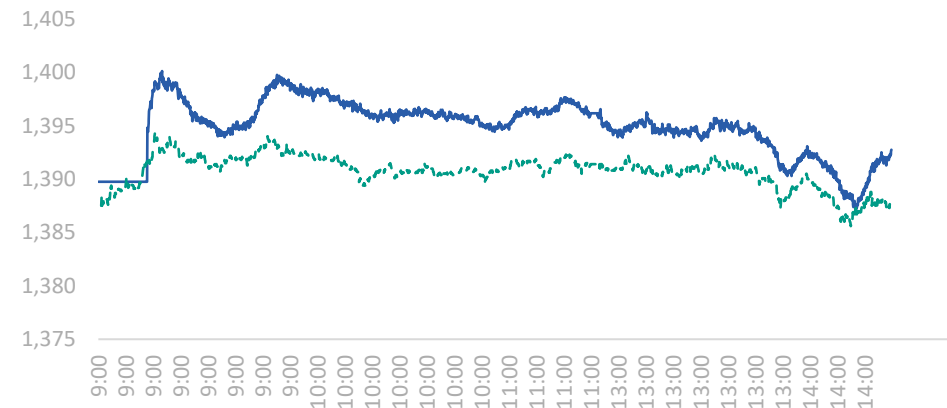
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1383.10	0.15%	48	-47%	9/18/2025	192
VN30F2504	1386.80	0.20%	995	41%	4/17/2025	38
VN30F2503	1389.40	0.30%	149,946	-16%	3/20/2025	10
VN30F2506	1384.00	0.26%	68	13%	6/19/2025	101

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +1.30 điểm, đóng cửa tại 1391.07 điểm. Biên độ dao động 12.90 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VCB, HDB, VPB, STB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 lấy lại sắc xanh trong những phút giao dịch cuối cùng trong phiên. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2503. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2503, VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVIC2406	3/28/2025	18	442,400	-85.33%	4.69	450	80.0%	8.52	6.94	47.30	47.30
CMSN2407	3/28/2025	18	214,300	-87.45%	8.35	30	50.0%	6.06	8.65	68.90	68.90
CVIC2404	4/28/2025	49	382,800	-78.65%	4.30	1,450	31.8%	10.76	10.10	47.30	47.30
CVIC2407	6/30/2025	112	118,000	-80.66%	4.90	850	30.8%	8.49	9.15	47.30	47.30
CVIC2405	7/28/2025	140	936,000	-73.91%	4.30	2,010	28.0%	10.77	12.34	47.30	47.30
CVIC2503	6/30/2025	112	700	-76.15%	4.26	2,340	27.9%	14.37	11.28	47.30	47.30
CHDB2401	3/28/2025	18	563,900	-87.47%	2.50	140	27.3%	6.36	2.97	23.70	23.70
CVIC2502	10/27/2025	231	412,000	-72.20%	4.50	1,730	19.3%	8.59	13.15	47.30	47.30
CMWG2401	5/21/2025	72	80,200	-80.22%	6.55	1,450	17.9%	14.04	12.30	62.20	62.20
CVHM2407	4/28/2025	49	223,000	-86.09%	4.90	350	16.7%	10.11	6.30	45.30	45.30
CVIC2501	5/26/2025	77	292,000	-72.52%	4.00	1,800	13.9%	8.67	13.00	47.30	47.30
CFPT2407	6/30/2025	112	37,400	-77.91%	15.87	600	9.1%	4.98	30.77	139.30	139.30
CVRE2405	4/28/2025	49	443,900	-85.10%	1.90	410	7.9%	8.18	2.72	18.25	18.25
CTCB2506	10/23/2025	227	900	-68.13%	2.50	1,590	7.4%	6.34	8.86	27.80	27.80
CMWG2410	6/30/2025	112	80,100	-82.83%	7.08	360	5.9%	5.52	10.68	62.20	62.20
CMWG2501	6/26/2025	108	108,600	-79.82%	6.20	1,270	5.8%	11.22	12.55	62.20	62.20
CFPT2402	7/28/2025	140	52,200	-71.41%	13.41	6,650	5.2%	31.75	39.82	139.30	139.30
CVPB2408	4/28/2025	49	174,100	-86.91%	2.10	220	4.8%	8.66	2.54	19.40	19.40
CTCB2404	8/14/2025	157	1,000	-66.37%	2.50	1,370	4.6%	5.07	9.35	27.80	27.80
CVPB2409	11/4/2025	239	264,800	-81.55%	2.20	690	4.5%	8.63	3.58	19.40	19.40

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 10/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVIC2406 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 80.00%. CHPG2502 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.44%.
- CFPT2404, CTCB2504, CVHM2503, CMBB2505, CTCB2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVHM2504, CVIB2503, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	47.30	4.42%	2.22
VCB	96.80	1.79%	0.99
HDB	23.70	1.28%	0.74
VPB	19.40	0.78%	0.61
STB	40.00	0.63%	0.44

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	139.30	-1.49%	-1.82
LPB	34.80	-1.69%	-1.55
ACB	26.45	-0.75%	-0.74
HPG	27.95	-0.36%	-0.33
SSI	26.65	-0.93%	-0.32

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	96.80	1.79%	2.31	5.59
VIC	47.30	4.42%	1.90	3.82
BCM	80.20	6.93%	1.37	1.04
BID	41.40	0.61%	0.42	7.02
VHM	45.30	0.78%	0.35	4.11

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	211.20	10.00%	2.62	0.20
KSF	45.30	9.69%	0.82	0.30
NVB	11.60	3.57%	0.30	1.17
HGM	330.00	10.00%	0.26	0.01
VIF	19.00	3.26%	0.13	0.35

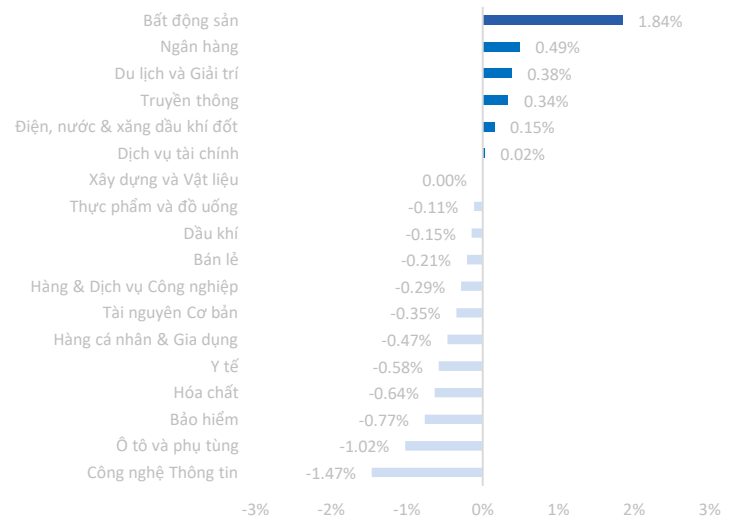
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CIG	8.11	6.99%	0.01	0.40
APG	9.66	6.98%	0.04	0.58
IJC	15.35	6.97%	0.10	13.06
TDC	13.10	6.94%	0.02	3.65
BCM	80.20	6.93%	1.38	2.44

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BKC	58.40	9.98%	0.24	0.04
VE8	4.50	9.76%	0.00	0.04
KSF	45.30	9.69%	4.55	0.04
QST	21.80	9.55%	0.02	0.00
MVB	24.00	8.11%	0.71	0.04

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	139.30	-1.49%	-0.73	1.47
LPB	34.80	-1.69%	-0.42	2.99
EIB	21.05	-2.77%	-0.26	1.86
ACB	26.45	-0.75%	-0.21	4.47
GVR	33.30	-0.60%	-0.19	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	16.40	-1.20%	-0.11	0.89
NTP	67.20	-1.75%	-0.10	0.14
MBS	31.00	-0.64%	-0.07	0.57
DHT	86.70	-1.37%	-0.06	0.08
PVS	33.90	-0.59%	-0.06	0.48

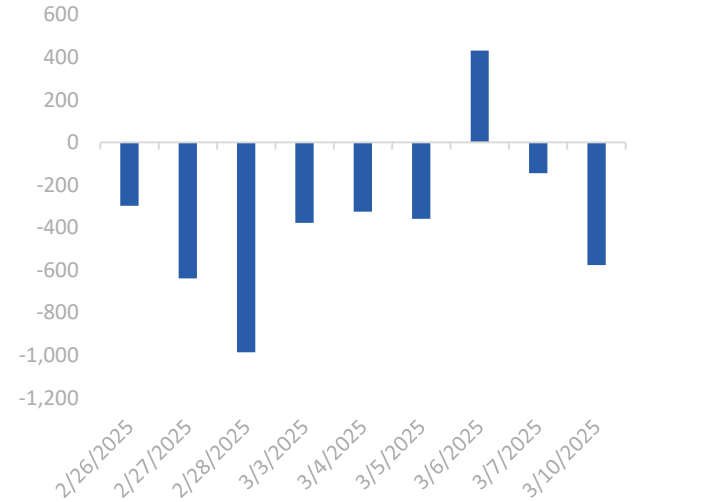
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CMV	8.13	-6.98%	0.00	0.01
PMG	7.91	-6.94%	-0.01	0.00
TNC	34.90	-6.93%	-0.01	0.00
TDW	63.30	-6.91%	-0.01	0.00
PSH	1.90	-6.86%	0.00	0.33

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NHC	23.90	-9.81%	-0.02	0.00
PEN	6.60	-9.59%	-0.01	0.00
V12	12.30	-9.56%	-0.05	0.00
CMC	6.70	-9.46%	-0.01	0.00
CCR	14.40	-9.43%	-0.11	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã CK	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	96.8	1.8%	0.4	531,523	437.0	6,053	15.7		22.8%	
BID	Ngân hàng	41.4	0.6%	1.0	288,929	202.7	3,574	11.5	47,000	16.8%	Link
VPB	Ngân hàng	19.4	0.8%	1.0	152,728	666.0	1,989	9.7	25,500	24.9%	Link
FPT	Công nghệ	139.3	-1.5%	1.0	208,009	796.2	5,365	26.4	163,000	44.4%	Link
TCB	Ngân hàng	27.8	0.2%	1.3	196,050	459.8	3,054	9.1	31,400	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	24.5	0.0%	1.0	149,506	479.3	3,729	6.6	26,300	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	40.0	0.6%	1.1	74,937	641.1	5,351	7.4		22.0%	
CTG	Ngân hàng	42.5	0.1%	1.1	227,688	507.7	4,720	9.0		26.8%	
ACB	Ngân hàng	26.5	-0.8%	0.8	119,036	295.2	3,759	7.1		30.0%	
SSI	Chứng khoán	26.7	-0.9%	1.6	52,774	1236.0	1,536	17.5		38.8%	
IDC	BĐS KCN	56.6	0.2%	1.3	18,645	94.4	6,050	9.3		21.8%	
HPG	VLXD	28.0	-0.4%	1.1	179,415	669.4	1,879	14.9	37,500	21.5%	Link
HSG	VLXD	18.7	-0.5%	1.7	11,674	94.5	935	20.1	22,700	8.9%	Link
VHM	BĐS	45.3	0.8%	1.2	184,628	565.6	7,286	6.2		12.2%	
KDH	BĐS	33.2	-1.2%	1.2	33,924	108.1	862	38.9		36.5%	
NLG	BĐS	33.5	-0.3%	1.5	12,939	94.8	1,331	25.2		40.6%	
DGC	Hóa chất	110.5	-0.6%	1.5	42,231	180.8	7,864	14.1	111,400	16.8%	Link
DCM	Phân bón	35.0	-0.9%	1.3	18,688	92.0	2,682	13.2	41,100	5.4%	Link
GAS	Dầu khí	67.8	0.0%	0.6	158,833	99.4	4,439	15.3	83,100	1.7%	Link
PVS	Dầu khí	33.9	-0.6%	1.1	16,299	87.9	2,473	13.8	40,300	18.6%	Link
PVD	Dầu khí	23.9	0.6%	1.1	13,174	87.8	1,252	18.9	29,900	9.5%	Link
POW	Tiện ích	12.1	-0.4%	0.9	28,337	65.2	535	22.6		3.7%	
VHC	Thủy sản	69.4	-2.0%	1.4	15,891	121.0	5,496	12.9	70,000	26.6%	Link
GMD	Logistics	61.5	0.0%	0.7	25,842	113.2	4,632	13.3		43.5%	
VNM	Bán lẻ	62.5	-0.3%	0.5	131,040	161.9	4,494	14.0		50.5%	
MSN	Bán lẻ	68.9	-0.1%	1.3	99,246	363.6	1,345	51.3		25.4%	
MWG	Bán lẻ	62.2	0.5%	1.8	90,466	654.8	2,544	24.3		45.6%	
PNJ	Bán lẻ	93.3	-0.6%	0.8	31,729	29.8	6,305	14.9	111,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	40.7	-0.3%	2.0	8,931	77.9	2,042	20.0	41,800	19.1%	Link
CTR	Công nghệ	120.2	-0.1%	1.0	13,761	45.7	4,709	25.5		8.4%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã CK	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
C4G	Xây dựng	8.8	0.70%	2.1	3,118	12.4	700	12.5	0.03%	4.68%	Link
PLC	Dầu khí	25.7	0.39%	1.5	2,068	8.9	1,386	18.5	0.29%	3.37%	Link
GVR	BĐS KCN	33.3	-0.60%	1.9	134,000	87.8	859	39.0	0.54%	8.18%	
BSR	Dầu khí	19.8	-0.75%	0.0	61,700	52.1	91	218.9	0.42%	1.11%	
ANV	Thủy sản	17.3	-1.42%	1.6	4,673	26.9	1,082	16.2	0.75%	1.71%	
QTP	Tiện ích	13.9	0.00%	0.7	6,242	10.0	1,110	12.5	0.84%	12.52%	
HUT	Xây dựng	16.4	-1.20%	1.6	14,816	22.6	728	22.8	1.26%	1.59%	
CSV	Hóa chất	43.2	0.12%	1.4	4,768	45.1	1,891	22.8	1.89%	16.55%	
SZC	BĐS KCN	45.3	0.44%	1.5	8,117	136.4	1,268	35.6	2.18%	12.48%	Link
LCG	Xây dựng	10.9	1.87%	1.9	2,066	61.4	678	15.8	2.49%	5.22%	
EIB	Ngân hàng	21.1	-2.77%	1.2	40,328	263.1	2,225	9.7	3.30%	13.99%	Link
VSC	Logistics	18.6	-1.33%	1.2	5,646	31.9	855	22.1	2.84%	9.08%	
DIG	BĐS	20.2	-0.25%	1.7	12,319	201.9	1,246	16.2	3.82%	1.36%	
CEO	BĐS	14.9	-0.67%	1.7	8,106	75.9	278	54.0	4.30%	3.16%	
IJC	BĐS	15.4	6.97%	1.5	5,421	198.1	1,353	10.6	4.67%	7.91%	
SIP	BĐS KCN	91.1	1.67%	0.0	18,864	88.2	3,766	23.8	4.89%	29.47%	
VIB	Ngân hàng	21.0	0.00%	1.1	62,413	365.4	3,235	6.5	4.87%	18.06%	
SHS	Chứng khoán	14.5	0.69%	2.0	11,709	281.5	1,019	14.1	5.52%	9.46%	
VGC	BĐS KCN	50.2	0.20%	1.6	22,462	42.5	1,981	25.3	5.78%	13.67%	
VTP	Logistics	151.5	-1.62%	0.0	18,755	63.7	3,038	50.7	6.68%	24.12%	
HHV	Xây dựng	13.0	2.36%	1.7	5,490	193.2	935	13.6	6.71%	4.78%	Link
GEX	Tiện ích	23.0	-1.08%	2.0	19,939	164.5	1,788	13.0	7.92%	12.38%	Link
DBC	Bán lẻ	30.2	-1.63%	1.8	10,258	323.4	2,181	14.1	9.02%	13.46%	Link
PDR	BĐS	20.4	0.49%	2.1	17,725	178.4	1,008	20.1	7.48%	5.00%	Link
NKG	VLXD	15.8	-1.86%	1.8	7,206	155.7	751	21.5	8.03%	8.02%	Link
DRC	Cao su	27.0	-1.10%	0.9	3,243	31.0	1,919	14.2	8.53%	12.30%	Link
DPM	Phân bón	36.7	-0.41%	1.3	14,421	82.0	1,385	26.6	9.41%	5.30%	Link
VND	Chứng khoán	14.1	2.92%	1.8	20,856	450.2	1,327	10.3	10.68%	9.49%	
PVT	Logistics	26.0	-0.19%	1.2	9,274	32.7	2,135	12.2	12.18%	15.05%	
QNS	Bán lẻ	50.4	0.14%	1.0	18,495	10.8	3,648	13.8	12.67%	25.58%	
HAH	Logistics	51.4	1.18%	1.5	6,164	81.2	2,390	21.3	11.59%	21.91%	Link
PC1	Tiện ích	23.7	0.42%	1.5	8,440	64.4	1,468	16.1	15.51%	8.61%	
TNG	Dệt may	22.7	-1.30%	1.2	2,820	23.4	2,529	9.1	16.04%	17.47%	
HDB	Ngân hàng	23.7	1.28%	1.0	81,784	375.5	3,628	6.5	17.23%	25.79%	
PLX	Dầu khí	43.0	0.35%	0.9	54,445	88.2	1,826	23.5	17.47%	11.12%	Link
VRE	BĐS	18.3	0.27%	1.0	41,356	177.1	1,945	9.4	17.58%	10.27%	
PHR	BĐS KCN	64.5	-0.77%	1.3	8,807	73.8	1,810	35.9	18.27%	12.69%	
DXG	BĐS	16.4	0.31%	1.8	14,238	172.3	260	63.0	19.74%	2.54%	Link
KBC	BĐS KCN	30.2	-0.50%	1.7	23,258	147.5	5,211	5.8	19.58%	2.32%	
HDG	Tiện ích	27.7	0.00%	1.4	9,316	63.4	2,890	9.6	19.81%	9.41%	
PTB	VLXD	59.0	0.00%	0.8	3,949	8.4	5,521	10.7	23.13%	13.18%	Link
VCI	Chứng khoán	39.3	0.77%	1.7	27,970	549.3	780	50.0	27.21%	8.97%	
MSB	Ngân hàng	11.8	-0.42%	1.2	30,810	309.6	2,092	5.7	27.53%	16.21%	Link
TPB	Ngân hàng	16.2	-0.92%	1.2	43,196	197.1	2,271	7.2	28.50%	17.27%	Link
FRT	Bán lẻ	177.5	-2.74%	1.0	24,864	135.9	5,285	34.5	33.57%	18.09%	
DHC	Hóa chất	33.9	-0.59%	1.1	2,745	8.4	3,727	9.2	39.43%	12.58%	Link
BSI	Chứng khoán	56.0	0.18%	1.9	12,469	69.5	1,973	28.3	41.22%	8.48%	
HCM	Chứng khoán	32.2	-0.46%	1.7	23,255	391.7	1,611	20.1	43.31%	11.09%	
CTD	Xây dựng	91.3	-2.87%	1.7	9,393	231.3	4,303	21.9	49.00%	4.36%	Link
REE	Tiện ích	75.0	2.32%	1.1	34,525	133.6	5,115	14.3	49.00%	11.01%	
BMP	VLXD	122.1	-1.53%	1.2	10,151	32.3	12,582	9.9	82.72%	36.75%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisititc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2025	x		Click
2	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
16	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
21	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659 ☎

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>